

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2022  
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Ghên;  
bà Nguyễn Thị Rạt.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp N1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

***2. Bị đơn:*** ông Phạm Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(bà H có mặt, ông T vắng mặt – đã triệu tập họp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2022 do nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H ký tên và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thúy H trình bày tại phiên tòa như sau:*

Bà và ông Phạm Văn T có tình cảm, sau đó tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, thường xuyên cãi vã nên bà và ông T ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Xuân N, sinh ngày 19/11/2008. Hiện nay ông T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông T cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà H, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “Ly hôn” là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Văn T có đăng ký thường trú tại ấp N1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.vụ

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thúy H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn T nên bà H được xác định là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà H cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà và ông T nên quan hệ hôn nhân giữa bà với ông T là hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà H và ông T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, bà H xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, tại phiên Tòa bà H xác định không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn với ông T. Đối với ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân của bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa bà H xác định bà và ông T có 01 con chung là Phạm Ngọc Xuân N, sinh ngày 19/11/2008, hiện nay do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với ông T, ông không có ý kiến phản hồi gì về việc nuôi con chung nhưng bà H xác định ông T nuôi dưỡng cháu N vẫn đảm bảo cho cháu được đi học, cháu N vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, tại lời khai của cháu Xuân N, cháu xin được sống với ông T khi bà H và ông T ly hôn với nhau nên tôn trọng theo nguyện vọng của cháu Xuân N, cần giao cháu Xuân N cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng khi bà H và ông T ly hôn với nhau. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Xuân N cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng ông T không có ý kiến phản hồi gì về việc bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con của bà H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm xã hội, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H.

[2.3]. Về tài sản chung: bà H xác định bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: bà H xác định bà H và ông T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Ông T không có ý kiến phản hồi gì về tài sản chung và nợ chung giữa. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung của bà H. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thúy H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy H về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Phạm Văn T.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thúy H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: ông Phạm Văn T được quyền trực tiếp nuôi con chung là Phạm Ngọc Xuân N, sinh ngày 19/11/2008, hiện nay do ông T đang nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thúy H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Xuân N với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thúy H và ông Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thúy H và ông Phạm Văn T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009643,

ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà Nguyễn Thúy H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Văn Tài**